Phụ lục 2

BỘ TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI
(ĐÁNH GIÁ MỤC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ)

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
7	**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**				
7.1	***Ứng dụng Công nghệ thông tin***	***8.5***	***7.5***	***0***	
7.1.1	Ban hành kế hoạch của cơ quan,đơn vị	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Ban hành đầy đủ, đúng quy định: 1		*1*		Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 5/10/2022 về phát triển chính quyền số huyện Ia H' Drai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 Quyết định 40/QĐ-BCĐ, ngày 28/3/2022 Quyết định thành lập Tổ giúp việc của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện Ia H'Drai (có biểu mẫu các văn bản chỉ đạo chi tiết kèm theo)
	Không ban hành hoặc ban hành nhưng không đảm bảo theo quy định: 0				
7.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1	1		Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Tính điểm theo công thức: (b/a) điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch b là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ Nếu tỷ lệ b/a < 0,8 thì điểm đánh giá là 0*				BC số 878/BC-UBND ngày, 21/9/2022 của UBND huyện về tình hình triển khai chuyển đổi số quý III năm 2022
7.1.3	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử (trừ văn bản mật)	1	1		Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Tính điểm theo công thức: (b/a) điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản của cơ quan phát hành trong năm b là số văn bản được ban hành hoàn toàn dưới dạng điện tử Nếu tỷ lệ b/a < 0,95 thì điểm đánh giá là 0*				Ủy ban nhân dân huyện đang thực hiện tốt việc sử dụng phần mềm Văn phòng điện tử - IOfice tại các phòng ban, đơn vị và các xã trên địa bàn huyện Ia H'Drai
7.1.4	Thực hiện việc lưu trữ hồ sơ trên môi trường mạng	2			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	+ Đã ban hành Quyết định danh mục hồ sơ lưu trữ của cơ quan: +0,5				
	+ Đã tạo danh mục hồ hồ sơ trên môi trường mạng theo Quyết định ban hành: +0,5				
	+ Tỷ lệ hồ sơ công việc tại cấp Sở được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước): +1		1		
7.1.5	Thực hiện quy định về quản lý, cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử theo đúng quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: 0,5		0.5		Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông thường xuyên tuyên Truyền chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh của huyện và xã, cung cấp thôn tin trên trang thông tin điện tử của huyện
	Có quy chế quản lý và hoạt động Trang Thông tin điện tử: 0.25		0.25		
	Các trang TTĐT cấp xã liên kết đúng quy định Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022: 0,25		0.25		
7.1.6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hành chính sử dụng phần mềm Quản lý văn bản và điều hành trong xử lý công việc	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	100% cán bộ, công chức, viên chức : 0,5		0.5		Sử dụng phần mềm IOfice
	Từ 90 % - 100% cán bộ, công chức, viên chức: 0,25		0.25		Sử dụng phần mềm IOfice

TT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ
	Dưới 90% cán bộ, công chức, viên chức: 0				
7.1.7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử công vụ hỗ trợ trao đổi công việc	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm đánh giá theo công thức: a/b*Điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử công vụ b là Tổng số cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị;		0.25		Sử dụng Gmail; zalo; phần mềm IOfice
7.1.8	Nhân lực Công nghệ thông tin	0.5			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Có cán bộ phụ trách công nghệ thông tin: 0,25		0.25		01 chuyên viên Phòng GDĐT phụ trách
	Tham gia đầy đủ lớp tập huấn về Chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin: 0,25		0.25		
7.1.9	Thực hiện chế độ báo cáo trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	1			Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng thẩm định hồ sơ
	Thực hiện đầy đủ, đúng hạn các loại báo cáo theo quy định của tỉnh: 1		1		
	Thực hiện đầy đủ, tuy nhiên có báo cáo bị trễ hạn: 0.5				
	Không thực hiện đầy đủ theo quy định của tỉnh: 0				
7.2	***Cung cấp dịch vụ công trực tuyến***	***4***	***4***	***0***	
7.2.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	2	2		Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm theo công thức: (b/a) điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình b là số DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ (b/a)< 0.90 thì điểm đánh giá là 0*				
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	2	2		Đơn vị tự đánh giá, Hội đồng kiểm tra thực tế
	Điểm theo công thức: (b/a) điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số Hồ sơ TTHC được tiếp nhận trong năm (gồm cả toàn trình và một phần) b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT toàn trình Nếu tỷ lệ (b/a) >= 0,25 thì điểm đánh giá là 2*				
	Tổng cộng	**12.5**	**11.5**	**0**	
	Chỉ số cải cách hành chính				

Ghi chú:

- Chỉ số cải cách hành chính được tính theo công thức: Tổng điểm đạt được/Tổng điểm tối đa x 100%. Trong đó:

+ Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không đủ 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá).

+ Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm cải cách hành chính của tỉnh thẩm định hoặc kiểm tra thực tế.

- Căn cứ kết quả chỉ số xếp loại 5 mức như sau:

1. Loại Xuất sắc: Chỉ số đạt từ 90 đến 100;
2. Loại Tốt: Chỉ số đạt từ 80 đến dưới 90;
3. Loại Khá: Chỉ số đạt từ 65 đến dưới 80;
4. Loại Trung bình: Chỉ số đạt từ 50 đến dưới 65;
5. Loại Yếu: Chỉ số đạt được dưới 50.